

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2017

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Cảnh;

2. Bà Cù Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 20-9-2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2017/QĐXX-ST ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T; trú tại: Xã P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1971; Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: St UL.Urocz 9a (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Tôi và bà Hoàng Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang vào ngày 10/10/1990. Trong thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống. Đến năm 2014 thì mâu thuẫn phát sinh căng thẳng và vợ chồng tôi đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và hiện nay, bà Hoàng Thị L đang sinh sống và làm việc tại nước Cộng Hòa Ba

Lan. Do đó, vợ chồng tôi thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh năm 1991 và cháu Nguyễn Văn M, sinh năm 1993. Hiện hai cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi và bà Hoàng Thị L không có tài sản chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại văn bản đề nghị và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/8/2017 bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày:**

Tôi và ông Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang vào ngày 10/10/1990. Những năm đầu cuộc sống hôn nhân của chúng tôi diễn ra bình thường, cho đến năm 2007 gia đình tôi chuyển vào Đắk Lắk làm ăn sinh sống. Từ đó, vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống. Đến năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng, tôi đã dọn ra ngoài ở và chúng tôi sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông T làm đơn xin ly hôn thì quan điểm của tôi:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn T

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh năm 1991 và cháu Nguyễn Văn M, sinh năm 1993. Hiện hai cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành và sống tự lập nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Hiện tại tôi đang sống và làm việc tại nước Cộng hòa Ba Lan không thể về Việt Nam tham gia giải quyết vụ án nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết vắng mặt tôi và xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về nội dung: Đơn đề nghị ly hôn của ông Nguyễn Văn T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử:

Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T, về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Hoàng Thị L.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý

kiến của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/1990 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo hộ.

Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân, ông T, bà L đều xác định, vợ chồng sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không hòa thuận. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của ông T, bà L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Các con chung là Nguyễn Thu H, sinh năm 1991 và Nguyễn Văn M, sinh năm 1993 đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Hoàng Thị L.

Về con chung: Các con chung là Nguyễn Thu H, sinh năm 1991 và Nguyễn Văn M, sinh năm 1993 đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[2] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông T đã nộp (cháu Nguyễn Thu H nộp thay ông Nguyễn Văn T) theo biên lai số: AA/2016/0004410 ngày 30 tháng 6 năm 2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hoàng Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng